

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỌC TẬP CẢ NĂM
LỚP: 8A4 - GVCN: NGUYỄN VĂN HÙNG - NĂM HỌC: 2020-2021

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch Sử	Địa Lí	Ngoại ngữ	GDCD	Công nghệ	Thể dục	Âm nhạc	Mĩ thuật	Tin học	ĐTB	XLHL	XLHK	DHTD	K.Quả
1	Huỳnh Mai Hà	Anh	x	7.4	8.1	9.5	8.8	8.4	9.6	8.3	6.4	9.3	8.5	Đ	Đ	Đ	8.9	8.5	K	T	TT	Lên lớp
2	Nguyễn Quỳnh	Anh	x	5.9	8.2	8.0	7.2	7.4	9.0	7.4	4.9	8.4	7.7	Đ	Đ	Đ	8.5	7.5	Tb	T		Lên lớp
3	Lê Thiên	Bảo		6.0	8.0	8.0	7.8	5.7	8.3	7.0	8.2	8.4	8.0	Đ	Đ	Đ	8.5	7.6	K	T	TT	Lên lớp
4	Nguyễn Ngọc Sao	Băng	x	5.6	7.2	8.2	8.0	6.9	9.1	8.3	6.0	9.0	8.1	Đ	Đ	Đ	8.5	7.7	K	K	TT	Lên lớp
5	Nguyễn Hoàng	Đại		4.0	5.3	6.9	6.7	5.0	7.7	5.1	4.6	6.1	8.0	Đ	Đ	Đ	8.0	6.1	Tb	T		Lên lớp
6	Nguyễn Nhựt	Đông		4.3	7.0	8.3	6.7	6.4	7.5	7.5	5.7	8.3	8.2	Đ	Đ	Đ	8.1	7.1	Tb	T		Lên lớp
7	Vũ Gia	Hân	x	6.1	5.9	7.3	7.8	6.1	7.0	7.7	5.9	8.4	8.0	Đ	Đ	Đ	8.2	7.1	Tb	T		Lên lớp
8	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	x	7.8	8.1	9.6	8.8	8.7	9.5	8.5	8.0	9.8	8.6	Đ	Đ	Đ	8.8	8.7	G	T	G	Lên lớp
9	Nguyễn Lê Quang	Hậu		5.0	6.3	5.1	6.2	6.1	8.0	7.5	4.2	8.4	8.4	Đ	Đ	Đ	7.0	6.6	Tb	T		Lên lớp
10	Nguyễn Gia	Huy		6.7	7.9	8.5	8.4	7.7	9.8	8.3	6.9	9.1	8.7	Đ	Đ	Đ	8.9	8.3	K	T	TT	Lên lớp
11	Lê Phan Quốc	Huy		8.6	8.4	9.7	9.4	8.0	9.6	9.2	7.7	9.5	8.9	Đ	Đ	Đ	8.7	8.9	G	T	G	Lên lớp
12	Châu Gia	Khang		5.3	6.0	6.3	5.8	5.6	6.6	7.2	4.7	8.9	8.2	Đ	Đ	Đ	8.3	6.6	Tb	T		Lên lớp
13	Phạm Minh	Kiệt		5.1	6.4	6.7	6.5	4.5	6.2	6.4	5.5	8.2	7.1	Đ	Đ	Đ	7.8	6.4	Tb	T		Lên lớp
14	Ngô Tuấn	Kiệt		4.8	6.8	7.9	6.1	5.7	7.6	7.1	5.8	8.8	8.6	Đ	Đ	Đ	7.8	7.0	Tb	T		Lên lớp
15	Trần Võ	Lâm		5.7	8.0	8.8	6.5	6.8	8.0	7.9	7.1	8.7	8.2	Đ	Đ	Đ	8.3	7.6	K	T	TT	Lên lớp
16	Bùi Trần Ngọc	Long		4.8	7.0	7.6	8.8	6.8	8.7	7.4	5.4	8.6	7.5	Đ	Đ	Đ	8.3	7.4	Tb	T		Lên lớp
17	Huỳnh Tân	Lợi		5.4	7.3	8.7	7.4	6.3	7.2	6.9	6.8	8.5	8.3	Đ	Đ	Đ	8.3	7.4	K	T	TT	Lên lớp
18	Phạm Mai Thảo	Ngân	x	7.1	8.4	9.1	9.2	8.6	9.4	7.7	7.2	9.3	8.9	Đ	Đ	Đ	8.6	8.5	G	T	G	Lên lớp
19	Lê Dương Tuyết	Ngân	x	7.4	8.1	9.0	9.3	8.5	9.4	8.0	6.8	9.2	8.8	Đ	Đ	Đ	8.7	8.5	G	T	G	Lên lớp
20	Thạch Hoàng Bảo	Ngọc	x	5.9	8.3	9.4	9.7	8.3	9.3	8.4	7.1	9.6	8.7	Đ	Đ	Đ	8.6	8.5	K	T	TT	Lên lớp
21	Trần Thị Hồng	Ngọc	x	8.9	9.2	10	9.9	9.2	10	9.6	8.9	9.8	8.9	Đ	Đ	Đ	9.3	9.4	G	T	G	Lên lớp
22	Lâm Tâm	Như	x	7.7	7.2	8.9	8.2	6.2	7.9	7.9	6.0	8.8	8.4	Đ	Đ	Đ	8.7	7.8	K	T	TT	Lên lớp
23	Nguyễn Doãn Đức	Phú		3.9	5.5	5.7	5.5	4.2	6.9	5.5	5.2	5.7	6.6	Đ	Đ	Đ	7.4	5.6	Tb	T		Lên lớp
24	Lương Minh	Phú		7.2	7.9	9.2	9.3	7.7	9.5	8.3	7.7	9.4	8.7	Đ	Đ	Đ	8.7	8.5	K	T	TT	Lên lớp
25	Lê Huỳnh Ngọc	Phụng	x	3.7	5.0	4.4	4.4	3.9	5.2	5.0	5.0	6.5	6.0	Đ	Đ	Đ	7.3	5.1	Tb	T		Lên lớp
26	Đào Hùng	Phước		4.8	5.9	5.7	6.5	5.5	7.0	6.1	4.7	7.7	7.2	Đ	Đ	Đ	7.9	6.3	Tb	T		Lên lớp
27	Trần Thế	Quang																				
28	Lê Hoàng Vinh	Quang		3.5	4.3	4.7	4.5	3.9	5.2	5.0	4.4	4.7	5.8	Đ	Đ	Đ	6.1	4.7	Y	K		Thi lại
29	Hứa Thái	Son		5.7	7.1	7.0	6.4	6.7	7.5	7.0	4.6	7.7	7.5	Đ	Đ	Đ	8.2	6.9	Tb	T		Lên lớp
30	Trần Thanh	Son		7.2	7.5	8.2	8.3	7.5	9.2	7.7	8.2	8.3	7.8	Đ	Đ	Đ	8.8	8.1	G	T	G	Lên lớp
31	Trần Anh	Tài		4.1	7.3	7.5	7.5	5.2	6.3	7.3	4.7	7.7	8.5	Đ	Đ	Đ	8.2	6.8	Tb	T		Lên lớp
32	Đặng Hải	Thạch		5.7	7.5	9.2	8.2	6.3	9.2	7.8	8.4	9.0	7.3	Đ	Đ	Đ	8.9	8.0	K	T	TT	Lên lớp
33	Cao Thị Thanh	Thảo	x	6.5	7.7	7.6	7.7	5.9	8.9	7.5	6.1	9.2	8.5	Đ	Đ	Đ	8.6	7.7	K	T	TT	Lên lớp
34	Lê Phúc	Thịnh		7.2	8.4	9.4	9.4	7.7	9.5	8.8	6.6	9.4	8.1	Đ	Đ	Đ	8.8	8.5	K	T	TT	Lên lớp
35	Nguyễn Thị Anh	Thư	x	5.0	6.2	7.5	8.6	6.4	9.6	7.8	5.4	8.8	8.0	Đ	Đ	Đ	8.5	7.4	Tb	T		Lên lớp
36	Huỳnh Minh	Trang	x	7.7	8.7	9.3	9.5	8.8	9.9	8.4	7.8	9.2	8.9	Đ	Đ	Đ	8.7	8.8	G	T	G	Lên lớp
37	Dương Thị Ngọc	Trâm	x	7.0	8.4	8.9	8.1	8.2	9.6	8.3	5.8	8.9	8.4	Đ	Đ	Đ	8.3	8.2	K	T	TT	Lên lớp
38	Nguyễn Lê Thùy	Trâm	x	6.0	8.0	8.4	8.3	7.9	9.6	8.3	6.5	9.1	7.7	Đ	Đ	Đ	8.3	8.0	K	T	TT	Lên lớp
39	Mai Thanh	Trúc	x	6.4	7.9	7.5	7.7	7.8	9.1	7.5	7.1	8.8	8.5	Đ	Đ	Đ	8.5	7.9	K	T	TT	Lên lớp
40	Lâm Nhật	Trường		5.0	7.1	6.8	8.7	6.9	9.2	7.5	5.6	9.3	8.2	Đ	Đ	Đ	8.3	7.5	K	T	TT	Lên lớp
41	Hoàng Thị Minh	Tú	x	5.3	6.7	8.3	6.8	5.8	8.3	7.4	5.2	7.8	7.8	Đ	Đ	Đ	8.2	7.1	Tb	T		Lên lớp
42	Lâm Anh	Tuấn		6.6	8.3	8.4	9.3	7.7	9.1	8.7	7.2	9.5	8.9	Đ	Đ	Đ	8.7	8.4	K	T	TT	Lên lớp
43	Trần Bích	Tuyền	x	5.1	7.8	7.5	7.7	6.4	8.6	6.7	5.7	8.6	7.9	Đ	Đ	Đ	8.4	7.3	Tb	T		Lên lớp
44	Nguyễn Thụy Tường	Vy	x	4.9	7.4	7.3	6.7	6.8	8.2	7.1	5.8	7.6	7.9	Đ	Đ	Đ	8.0	7.1	Tb	T		Lên lớp
45	Nguyễn Minh	Hiếu		4.9	6.9	8.3	9.0	6.2	8.5	7.2	4.4	8.0	7.6	Đ	Đ	Đ	7.1	7.1	Tb	K		Lên lớp

Giáo viên chủ nhiệm xác nhận
(Ký và ghi rõ họ tên)